

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 341/2018/HNGĐ – ST

Ngày: 31/5/2018

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chót

Ông Nguyễn Văn Sơn

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khánh Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Quý – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2018 tại phòng xét xử của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 221/2018/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1021/2018/QĐST- HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Hoàng M, sinh năm 1979; Nơi cư trú: 90/1 ấp Quí Hòa, xã Hòa Lợi, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Chị Phạm Thị A, sinh năm 1981; Nơi cư trú: 90/1 ấp QH, xã HL, huyện P, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN

****Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng M trình bày:***

- Về hôn nhân: Năm 2004 anh và chị Phạm Thị A quen biết nhau, có tìm hiểu mới tiến đến hôn nhân, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HL, và được cấp giấy đăng ký kết hôn vào ngày 13/12/2004. Trong thời gian chung sống vợ

chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi vã; mâu thuẫn của vợ chồng anh đã được cha mẹ hai bên khuyên giải nhiều lần nhưng vẫn còn mâu thuẫn, anh và chị A đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Phạm Thị A.

- Về con chung: Cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 26/02/2002 hiện đang sống với anh, anh yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ chồng: Anh không có yêu cầu.

**Theo nội dung bản khai, quá trình tố tụng bị đơn Phạm Thị A trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân giữa chị và anh M, chị thống nhất với lời trình bày của anh M về thời gian kết hôn và đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Lợi. Chị thừa nhận trong thời gian chung sống giữa chị và anh M có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Hiện tại chị và anh M đã sống ly thân. Nhưng vì con nên chị không đồng ý yêu cầu ly hôn của anh M. Tuy nhiên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh M thì về con chung chị đồng ý giao cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 26/02/2002 cho anh M nuôi dưỡng chị không cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung giữa anh chị không có tài sản gì nên không yêu cầu giải quyết, về nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng chị không có yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo qui định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ theo đúng thủ tục tố tụng. Người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định pháp luật, bị đơn không tham gia các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo qui định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Hoàng M về việc yêu cầu ly hôn với chị Phạm Thị A. Về con chung: Anh Nguyễn Hoàng M được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Duy Khương, sinh ngày 26/02/2002, chị A không phải cấp dưỡng nuôi con anh M không có yêu cầu. Về tài sản chung: không có nên không xem xét, giải quyết. Về nợ chung: không có nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, sau khi phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của anh Nguyễn Hoàng M thì vụ án có quan hệ "Tranh chấp ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn Phạm Thị A có nơi cư trú tại ấp Quí Hòa, xã Hòa Lợi, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng M có đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh M là đúng qui định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn chị Phạm Thị A đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai để dự phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng chị A vắng mặt không lý do, Tòa án xét xử vắng mặt chị A là đúng quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

1. Về hôn nhân: Tại phiên tòa anh Nguyễn Hoàng M vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị Phạm Thị A; cho rằng vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do anh và chị A bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau, tính tình không hợp nhau; mâu thuẫn của vợ chồng anh đã được cha mẹ hai bên khuyên giải nhiều lần nhưng vẫn còn mâu thuẫn; nên anh và chị A đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn anh yêu cầu được ly hôn với chị A .

Hội đồng xét xử nhận định: Anh Nguyễn Hoàng M và anh chị Phạm Thị A kết hôn với nhau vào năm 2004 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Lợi. Hôn nhân được xây dựng trên tinh thần tự nguyện và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng chị A không đến Tòa án tham gia xét xử sơ thẩm; Chị A vắng mặt tại Tòa, tuy nhiên qua trao đổi, làm việc với bà Nguyễn Thị Chính là mẹ ruột của anh M thì bà Chính cho biết trước đây vợ chồng anh M sống cùng bà tại nhà của bà, Nhưng hiện nay chị A đã bỏ nhà đi từ năm 2017 cho đến nay không về do xảy ra mâu thuẫn với anh M, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Nay cuộc sống vợ chồng giữa Mến với Á đã không còn hạnh phúc, Mến có yêu cầu ly hôn với chị A đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo đúng qui định pháp luật. Như vậy có căn cứ cho thấy mâu thuẫn giữa anh M và chị A là có thật, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được; Do đó, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Hoàng M là phù hợp.

2. Về con chung: Cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 26/02/2002 hiện đang sống với anh M, anh M yêu cầu được nuôi con chung và cháu K có nguyện vọng sống với

ba nên để anh M trực tiếp nuôi dưỡng cháu Khương là phù hợp; chị A không phải cấp dưỡng nuôi con do anh M không có yêu cầu.

3. Về tài sản chung: Anh M và chị A trình bày không yêu cầu giải quyết, không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh M và chị A trình bày không có, không xem xét giải quyết.

5. Về nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ chồng: Anh M và chị A không có yêu cầu, không xem xét giải quyết.

6. Anh Nguyễn Hoàng M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo qui định tại Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo qui định của pháp luật tại Điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Hoàng M đối với chị Phạm Thị A. Anh Nguyễn Hoàng M được ly hôn với chị Phạm Thị A.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Hoàng M trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 26/02/2002, chị Phạm Thị A không phải cấp dưỡng nuôi con do anh M không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm non con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con

3. Về tài sản chung: Anh M và chị A trình bày không yêu cầu giải quyết, không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh M và chị A trình bày không có, không xem xét giải quyết.

5. Về nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ chồng: Anh M và chị A trình bày không yêu cầu giải quyết, không xem xét giải quyết.

6. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Hoàng M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0014243 ngày 18/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre;

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 luật thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại Tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THA DS huyện Thanh Phú;
- VKSND huyện Thanh Phú;
- UBND xã HL;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Vp).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đặng Văn Phương